

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**
Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày: 05/03/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hùng
Ông Nguyễn Phi Đình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Đức Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2020 tại hội trường xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/HSST-QĐ ngày 18/02/2028 đối với bị cáo:

Trương Quang V, sinh ngày 01/5/1994; giới tính: Nam; nơi sinh: Thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố ...6, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Trương Quang L và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/12/2019 đến nay tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Nhân viên ban quản lý chợ H; trú tại: Tổ ...10, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ dân phố ...3, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1959; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Số nhà ...130, đường L, tổ ...7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; nghề nghiệp: Buôn bán; trú tại: Tổ ...6, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 12/11/2019, Trương Quang V đi bộ đến cổng số 1 Chợ H thuộc phường N, thành phố H gặp chị Nguyễn Thị Hồng T (trú tại phường B, thành phố H, là vợ của cậu ruột V). Tại đây V hỏi mượn chiếc xe mô tô Honda Lead màu nâu đen, BKS: 38M1-005.... của chị T để đi có tí việc. Chị T đồng ý cho V mượn xe và V hứa sẽ đưa xe về trả cho chị T trước 17 giờ ngày 12/11/2019 để chị T đi về nhà. Sau đó V điều khiển xe mô tô Honda Lead màu nâu đen, BKS: 38M1-005... đến quán Internet G ở ngõ ...9b đường P, thành phố H để chơi điện tử. Tại đây V có hỏi vay tiền một số người nhưng không được nên đến khoảng 16 giờ ngày 12/11/2019, V nảy sinh ý định sẽ cầm cố chiếc xe mô tô của chị T để lấy tiền tiêu xài cá nhân. V sử dụng mạng xã hội Facebook liên lạc với Nguyễn Văn N (sinh năm 1989, trú tại phường H, thành phố H) nhờ cầm cố xe mô tô. Khi nhờ cầm cố V nói đây là xe của mình do cần tiền phải cầm cố nên N đồng ý. Khoảng 15 phút sau N đến quán Internet G gặp V, sau đó N điều khiển xe mô tô BKS: 38M1- 005... chở V đi ra khu vực thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Khi đến nơi V xuống xe đứng chờ ở khu vực ngã tư đèn tín hiệu giao thông còn N một mình điều khiển xe mô tô BKS: 38M1- 005... đến gặp ông Nguyễn Duy T (sinh năm 1959, trú tại thị trấn T, huyện T) và vay ông T số tiền 3.000.000 đồng rồi để chiếc xe mô tô trên làm tài sản bảo đảm. Ông T đồng ý và đưa tiền cho N, N gửi lại cho ông T số tiền 300.000 đồng phí trông giữ xe còn 2.700.000 đồng N đưa cho V. Số tiền trên V tiêu xài cá nhân hết. Biết chị T sẽ đi tìm mình để đòi lại xe nên V lang thang tại các quán Internet trên địa bàn thành phố H mà không về nhà nhằm trốn tránh việc trả xe cho chị T. Còn chị Nguyễn Thị Hồng T do không thấy V trả xe nên liên lạc với V nhưng không được, nhiều lần đến nhà tìm gặp V nhưng V không có nhà. Đến ngày 18/11/2019, chị Nguyễn Thị Hồng T trình báo với Công an phường N, thành phố H. Sau đó Công an phường N đã phát hiện, triệu tập Trương Quang V đến làm việc. Tại trụ sở công an, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 72/KLĐG ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hà Tĩnh xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu nâu đen, BKS: 38M1-005... trị giá 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ từ ông Nguyễn Duy T và trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng T 01 chiếc xe mô tô Honda Lead màu nâu đen, BKS: 38M1-005...; còn 01 giấy vay tiền thu giữ tại Nguyễn Văn N được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị T sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu gì; ông Nguyễn Duy T yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn N tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh để bồi thường cho ông Nguyễn Duy T.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSTPHT ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Trương Quang V về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng truy tố; trong phần luận tội và tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Quang V từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo Trương Quang V không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận lỗi và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xác định được: Vào khoảng 15 giờ ngày 12/11/2019, tại cổng Chợ H, thuộc phường N, thành phố H, Trương Quang V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu nâu đen, BKS: 38M1-005... trị giá 10.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hồng T để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày V nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô trên lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trương Quang V đã nhờ Nguyễn Văn N vay số tiền 3.000.000 đồng của ông Nguyễn Duy T và để lại

chiếc xe mô tô làm tài sản bảo đảm. Sau đó V trốn tránh chị T nhằm mục đích không trả lại chiếc xe mô tô trên. Bị cáo Trương Quang V có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 10.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội bị cáo Trương Quang V phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Quang V là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện liều lĩnh, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội mà giao cho Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ nghiêm, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

Trong vụ án này có anh Nguyễn Văn N là người đã cầm cố hộ bị cáo xe mô tô và ông Nguyễn Duy T là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà bị cáo Trương Quang V chiếm đoạt được. Tuy nhiên lúc đi cầm cố và nhận cầm cố, anh N và ông T không biết được đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý với anh Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Duy T là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Hồng T đã nhận lại chiếc xe mô tô nay không yêu bồi thường gì thêm. Tòa miễn xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000 đồng tiền cầm cố chiếc xe mô tô. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Duy T là không có căn cứ theo quy định của pháp luật vì: Xe mô tô là tài

sản phải đăng ký sở hữu tại cơ quan Công an. Việc cầm cố, mua bán tài sản trên phải do chủ sở hữu thực hiện hoặc ủy quyền thủ tục cầm cố, mua bán phải được thực hiện thông qua Cơ quan có thẩm quyền. Ông Nguyễn Duy T không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ; khi nhận cầm cố xe mô tô không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc xe, thực hiện việc giao dịch cầm cố xe mô tô trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường.

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.700.000 đồng do bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô cho ông Nguyễn Duy T mà có; đối với số tiền 300.000 đồng anh Nguyễn Văn N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự để bồi thường cho ông Nguyễn Duy T, do yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Duy T không được Tòa án chấp nhận nên số tiền 300.000 đồng này cần sung vào quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Duy T không được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trương Quang V phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt **Trương Quang V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

*** Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trương Quang V 2.700.000 đồng; sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng mà anh Nguyễn Văn N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000341 ngày 14/01/2020.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 320 Bộ Luật dân sự; khoản 3 mục I, khoản 11.3 mục 2 Thông tư 13/1999/TT-BTM ngày 19/5/1999 của Bộ thương mại: Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

* **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trương Quang V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc ông Nguyễn Duy T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND Tp Hà Tĩnh;
- THADS Tp Hà Tĩnh;
- Công an Tp Hà Tĩnh;
- THAPT;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Minh Thư